

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ
ÁP DỤNG TỪ KHÓA TUYỂN SINH K44
ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU
&
ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG**

NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH:	KIẾN TRÚC
TÊN TIẾNG ANH:	ARCHITECTURE
MÃ NGÀNH:	8580101
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO:	CHÍNH QUY
KHOA QUẢN LÝ:	KIẾN TRÚC

Đà Nẵng, 2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU VÀ ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG

A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT:

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	Kiến trúc
2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	Architecture
3. Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
4. Mã ngành đào tạo:	8580101
5. Đối tượng tuyển sinh:	<p>Người dự tuyển thỏa mãn các điều kiện:</p> <p>a) Thí sinh đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển trình độ thạc sĩ. Thí sinh đăng ký xét tuyển chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên (điểm trung bình chung học tập toàn khóa từ 7,0 trở lên, theo thang điểm 10; hoặc từ 2,5 trở lên, theo thang điểm 4) hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;</p> <p>b) Hoàn thành các học phần bổ sung kiến thức (nếu được yêu cầu);</p> <p>c) Có năng lực ngoại ngữ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.</p>
6. Hình thức đào tạo:	Chính quy
7. Số tín chỉ yêu cầu:	60 tín chỉ
8. Thời gian đào tạo	+ 1,5-2,0 năm đối với người tốt nghiệp đại học (Cử nhân), tốt nghiệp đại học chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù (bậc 6) thuộc cùng nhóm ngành; + 1,0-2,0 năm đối với người tốt nghiệp chương trình đào tạo Kỹ sư chuyên sâu đặc thù bậc 7 (khối lượng 180 tín chỉ) thuộc cùng nhóm ngành;
9. Thang điểm:	Thang điểm 10, làm tròn đến một số lẻ thập phân
10. Điều kiện tốt nghiệp:	- Hoàn thành chương trình đào tạo;

	<ul style="list-style-type: none"> - Luận văn tốt nghiệp xếp loại “Đạt” (định hướng NC); Đề án tốt nghiệp xếp loại “Đạt” (định hướng UD); - Có văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương; - Các yêu cầu khác theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHBK-ĐHĐN.
11. Văn bằng tốt nghiệp:	Thạc sĩ
12. Vị trí việc làm:	<p><i>Đối với người học tốt nghiệp từ CTĐT định hướng nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu quy hoạch, kiến trúc; Viện nghiên cứu vật liệu xây dựng; Viện nghiên cứu xã hội – đô thị... - Giảng viên giảng dạy, đào tạo cán bộ kỹ thuật chuyên ngành tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. - Lĩnh vực quản lý nhà nước: Cán bộ chuyên môn tại Bộ Xây dựng; Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố; Viện quy hoạch các tỉnh thành phố; các bộ phận chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp; các Ban quản lý dự án của bộ Xây dựng các tỉnh, thành phố và các huyện <p><i>Đối với người học tốt nghiệp từ CTĐT định hướng ứng dụng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ chuyên môn làm việc độc lập, hoặc phụ trách các nhóm chuyên viên thực hiện công tác quản lý và triển khai thực hiện các vấn đề liên quan đến chuyên ngành như: Đồ án quy hoạch, Kiến trúc, Quản lý xây dựng cơ bản; Cán bộ kỹ thuật của các ban quản lý các khu công nghiệp, Công ty tư vấn thiết kế, Các nhà máy xí nghiệp... và các dự án phát triển kinh tế - xã hội.
13. Khả năng nâng cao trình độ:	Học viên sau khi tốt nghiệp chương trình Thạc sĩ ngành Kiến trúc có thể tiếp tục theo học chương trình Tiến sĩ ngành Kiến trúc hoặc các ngành có liên quan
14. Chương trình đào tạo tham khảo:	<ol style="list-style-type: none"> 1. Yale school of Architecture (Mỹ); 2. Trường Đại học Kiến trúc TP HCM (Việt Nam)

B. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Cấu trúc chương trình đào tạo

1. Theo định hướng nghiên cứu

Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn
1. Kiến thức chung và bổ trợ	4	4	0
2. Kiến thức ngành	24	0	24
3. Dự án, chuyên đề nghiên cứu	17	11	6
4. Luận văn tốt nghiệp	15	15	0
Tổng	60	30	30

2. Theo định hướng ứng dụng

Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn
1. Kiến thức chung và bổ trợ	4	4	0
2. Kiến thức ngành	40	12	28
3. Thực tập	7	7	0
4. Đề án tốt nghiệp	9	9	-
Tổng	60	32	28

II. Khung chương trình đào tạo

1. Theo định hướng nghiên cứu

Số TT	Tên học phần	Số TC	Loại học phần			Học kỳ	Ghi chú	Cho phép sinh viên đang học chương trình đào tạo đại học học trước
			Bắt buộc	Tự chọn theo định hướng	Tự chọn tự do			
A. Kiến thức chung và bổ trợ (4 tín chỉ)								
1	Quản trị học	2	2			1	KTS2020	
2	Phương pháp luận NCKH	2	2			1		
B. Kiến thức ngành (Học viên chọn học đủ 24 tín chỉ trong số 67 tín chỉ cung cấp, trong đó tổng số tín chỉ tích lũy của học phần Tự chọn theo định hướng không ít hơn 15)								
1	Kiến trúc sinh khí hậu	3		x		2		
2	Kỹ thuật thi công hiện đại	2		x		2		x
3	Kỹ thuật GIS trong quy hoạch và quản lý đô thị	2		x		2		x
4	Đô thị hóa và Phân bố dân cư	2		x		2		x
5	Kỹ thuật thông gió và điều hòa không khí	2		x		2		x
6	Quy hoạch giao thông đô thị	2		x		2		x
7	Quản lý môi trường đô thị	2		x		2		x
8	PBL2: Thiết kế chung cư	3			x	1	KTS2020	
9	PBL3: Thiết kế trường THPT	3			x	1	KTS2020	
10	PBL6: Kiến trúc công nghiệp	3			x	1	KTS2020	
11	PBL7: Quy hoạch đô thị	3			x	1	KTS2020	

12	PBL 4: thiết kế khách sạn	3			x	1	KTS2020	
13	PBL 5: Thiết kế nhà thi đấu TDTT	3			x	1	KTS2020	
14	Chuyên đề KT bền vững	2		x		3	KTS2020	
15	Chuyên đề Quản lý Nhà nước trong KT và Quy hoạch	2		x		3	KTS2020	
16	Chuyên đề tổ chức Không gian Công cộng	2		x		3	KTS2020	
17	Lý thuyết kiến trúc	3		x		3	KTS2020	
18	Vật lý công trình xây dựng 1	2		x		3	KTS2020	
19	Vật lý công trình xây dựng 2	2		x		3	KTS2020	
20	Vật lý công trình xây dựng 3	2		x		3	KTS2020	
21	Chuyên đề phân tích định lượng trong KT và QHĐT	2		x		3	KTS2020	
22	Mô hình hóa thông tin xây dựng BIM	3		x		3		x
23	Lãnh đạo và quản lý	2		x		3		x
24	Công bố khoa học	2		x		3		x
25	Giải pháp Kết cấu đặc biệt cho Thiết kế Kiến trúc	2		x		3		x
26	Quản lý dự án	2		x		3		
27	Sinh thái học	2		x		3		x
28	Lý thuyết KTCQ	2		x		3		
C.	Dự án, chuyên đề nghiên cứu (<i>Học viên chọn học đủ 17 tín chỉ trong số 23 tín chỉ cung cấp</i>)							
1	Chuyên đề KT 1: Lý thuyết sáng tác nâng cao	2	x			1		
2	Chuyên đề QH 1: Môi trường sống trong không gian đô thị	3	x			1		
3	Chuyên đề KT 2: Hình thức Kiến trúc Đô thị qua các case studies	2		x		2		
4	Chuyên đề QH 2: Hình thái học đô thị	2		x		2		
5	Chuyên đề KT 3: Kiến trúc và văn hóa	2	x			1		x
6	Chuyên đề KT 4: Tham quan Kiến trúc Việt Nam	2		x		2		
7	Chuyên đề KT 5: Thiết kế đô thị	2		x		2		
8	Chuyên đề KT 6: Kiến trúc Đông Dương	2		x		2		x
9	Chuyên đề KT 7: Công trình xanh	2	x			1	KTS2020	
10	Chuyên đề QH 3: Lý thuyết Quy hoạch đương đại	2		x		2		

11	Chuyên đề QH 4: Luật kiểm soát Kiến trúc đô thị	2	x			1		x
D.	Thực tập	0						
E.	Luận văn Tốt nghiệp	15	15			4		

Ghi chú: Sinh viên năm thứ tư trở về sau đang theo học chương trình đào tạo Đại học có thể học trước các học phần cao học được chỉ định trong khung chương trình, với điều kiện thỏa mãn các quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo và Nhà trường.

2. Theo định hướng ứng dụng

Số TT	Tên học phần	Số TC	Loại học phần			Học kỳ	Ghi chú	Cho phép sinh viên đang học chương trình đào tạo đại học học trước
			Bắt buộc	Tự chọn theo định hướng	Tự chọn tự do			
A.	Kiến thức chung và bổ trợ (4 tín chỉ)							
1	Quản trị học	2	x			1	KTS2020	
2	Phương pháp luận NCKH	2	x			1		
B.	Kiến thức ngành (Học viên chọn học đủ 40 tín chỉ trong số 91 tín chỉ cung cấp, trong đó tổng số tín chỉ tích lũy của học phần Bắt buộc và Tự chọn theo định hướng không ít hơn 28)							
1	Lý thuyết sáng tác nâng cao	2	x			1		
2	Kiến trúc sinh khí hậu	3	x			1		
3	Môi trường sống trong không gian đô thị	3	x			1		
4	Hình thái học đô thị	2		x		2		
5	Hình thức Kiến trúc Đô thị qua các case studies	2		x		2		
6	Kỹ thuật thi công hiện đại	2		x		2		x
7	Kiến trúc và văn hóa	2	x			1		x
8	Kỹ thuật GIS trong quy hoạch và quản lý đô thị	2		x		2		x
9	Đô thị hóa và Phân bố dân cư	2	x			1		x
10	Kỹ thuật thông gió và điều hòa không khí	2		x		2		x
11	Quản lý môi trường đô thị	2		x		2		x
12	Thiết kế đô thị	2		x		2		
13	Kiến trúc Đông Dương	2		x		2		x
14	PBL2: Thiết kế chung cư	3			x	1	KTS2020	
15	PBL3: Thiết kế trường THPT	3			x	1	KTS2020	
16	PBL6: Kiến trúc công nghiệp	3			x	1	KTS2020	

17	PBL7: Quy hoạch đô thị	3			x	1	KTS2020	
18	PBL 4: thiết kế khách sạn	3			x	1	KTS2020	
19	PBL 5: Thiết kế nhà thi đấu TDTT	3			x	1	KTS2020	
20	Chuyên đề KT bền vững	2		x		2	KTS2020	
21	Chuyên đề Quản lý Nhà nước trong KT và Quy hoạch	2		x		2	KTS2020	
22	Chuyên đề tổ chức Không gian Công cộng	2		x		2	KTS2020	
23	Lý thuyết kiến trúc	3		x		2	KTS2020	
24	Vật lý công trình xây dựng 1	2		x		2	KTS2020	
25	Vật lý công trình xây dựng 2	2		x		3	KTS2020	
26	Vật lý công trình xây dựng 3	2		x		3	KTS2020	
27	Chuyên đề phân tích định lượng trong KT và QHĐT	2		x		2	KTS2020	
28	Quy hoạch giao thông đô thị	2		x		3		x
29	Mô hình hóa thông tin xây dựng BIM	3		x		3		x
30	Lãnh đạo và quản lý	2		x		3		
31	Giải pháp Kết cấu đặc biệt cho Thiết kế Kiến trúc	2		x		3		x
32	Công trình xanh	2		x		3	KTS2020	
33	Lý thuyết Quy hoạch đương đại	2		x		3		x
34	Luật kiểm soát Kiến trúc đô thị	2	x			3		x
35	Quản lý dự án	2		x		3		
36	Sinh thái học	2		x		3		x
C.	Thực tập (7 TC)							
1	Thực tập khảo cứu Kiến trúc cổ Việt Nam	5	x			4		
2	Thực tập doanh nghiệp	2	x			4	KTS2020	
D.	Đề án tốt nghiệp (9TC)	9	9			4		

Ghi chú: Sinh viên năm thứ tư trở về sau đang theo học chương trình đào tạo Đại học có thể học trước các học phần cao học được chỉ định trong khung chương trình, với điều kiện thỏa mãn các quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo và nhà trường.